

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-3-2023
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Ông Nguyễn Minh Trọn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bé Nh, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Ng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Phạm An T, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Ng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Bé Nh trình bày: Bà và ông Phạm An T tự nguyện chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm An T. Trong quá trình chung sống bà và ông T có một người con chung tên Phạm Bé T1, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2009, con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 10 tháng 3 năm 2023 và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm An T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung và mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà Nh trình bày. Bà Nh yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn với bà Nh. Ông đồng ý giao con chung cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Bé Nh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm An T, yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân : Bà Trần Thị Bé Nh và ông Phạm An T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà Trần Thị Bé Nh và ông Phạm An T không được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Bé Nh và ông Phạm An T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Trần Thị Bé Nh và ông Phạm An T có một người con chung tên Phạm Bé T1, sinh ngày, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2009, con chung do bà Nh đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa ông Phạm An T đồng ý giao người con chung cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà Nh và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật và phù hợp với nguyện vọng của người con chung tên Phạm Bé T1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nh và ông T, giao người con chung tên Phạm Bé T1, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2009 cho bà Trần Thị Bé Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị Bé Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Bé Nh và ông Phạm An T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Bé Nh phải nộp 300.000 đồng, bà Nh đã nộp tạm ứng 300.000 đồng được đối trừ chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Bé Nh và ông Phạm An T.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Phạm Bé T1, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2009 cho bà Trần Thị Bé Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm An T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Bé Nh phải chịu 300.000 đồng, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0018620 ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, bà Nh đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- CCTHADS huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Vện